

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 09/2026/DS-ST
Ngày: 09/3/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi **tham gia phiên toà:** Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95 ngày 10/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N – Quyền tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Văn T – Phó giám đốc chi nhánh K;

Người đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Kim N1 – chuyên viên kiểm soát rủi ro chi nhánh K. *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 – sinh năm 1982

Địa chỉ: D V, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) trình bày:

Ngày 10/01/2024, Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Ngọc T2 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà Nguyễn Thị Ngọc T1, Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 90.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà T1. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền 94.300.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 19.799.686 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, bà T1 vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/11/2024 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày xét xử 09/3/2026 bà T1 còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là **146.191.430 đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) (trong đó nợ gốc là 97.696.326 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.495.104 đồng. Do đó, yêu cầu bà T1 phải thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP S và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành nghiêm quy định pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: *Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025;*

Áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 463; Điều 466, 470 ; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải trả số tiền **146.191.430 đ** (*Một*

trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 97.696.326 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.495.104 đồng.

- Về án phí buộc bà T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T1. Xét bà T1 cư trú tại I V, phường T, thành phố K nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1, nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

[2]Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ ngày 10/01/2024 được ký kết giữa các bên, đã có đủ cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị Ngọc T1 đã đề nghị và được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng số với hạn mức 90.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo quy định của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp, thông báo hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T1 vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của chính mình, đồng thời phải chịu mọi hậu quả đối với việc vắng mặt này; Hội đồng xét xử xét thấy bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc bà T1 phải trả tiền nợ gốc 97.696.326 đồng là phù hợp theo quy định Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về nợ lãi quá hạn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Số tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng căn cứ trên Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 100 2024, sự thỏa thuận của các bên không trái quy định pháp luật, do đó cần xem xét chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án 09/3/2026 là 48.495.104 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S 48.495.104 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận vay vốn, và lãi suất của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện phù hợp quy định Luật các tổ chức tín dụng và Điều 117 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ phân tích trên, HĐXX thấy rằng đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S có căn cứ để chấp nhận và buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 09/3/2026 là **146.191.430 đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) (trong đó nợ gốc là 97.696.326 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.495.104 đồng, và chịu tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 theo lãi suất thỏa thuận vay thẻ giữ hai bên trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 7.309.571 đồng (*Bảy triệu ba trăm linh chín nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025;

Áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 463; Điều 466, Điều 470 ; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đề ngày 01/10/2025.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền **146.191.430 đ** (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm chín mươi một nghìn,*

bốn trăm ba mươi nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 97.696.326 đồng và nợ lãi quá hạn là 48.495.104 đồng.

Kể từ ngày 10/3/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu 7.309.571 đồng (*Bảy triệu ba trăm linh chín nghìn, năm trăm bảy mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 3.224.500 đồng (*Ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002237 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2026), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Bình

